

Bản án số: 316/2022/DSPT

Ngày: 16/8/2022

*V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Cẩm Yên

Các Thẩm phán:

Ông Mai Tiến Dũng

Ông Trương Chí Anh

Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Lê Đức Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2022/TLPT- DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 26,29/11/2021 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 104/2022/QĐXX-PT ngày 12/4/2022, thông báo mở lại phiên tòa số 421/2022/TB-TA ngày 19/7/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng V (V).

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hà Xuân Sơn, ông Nông Q C, ông Ngô Tuấn Anh.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Lương D - sinh năm 1969;

Bà Nguyễn Thị Th H - sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: số 59C, ngõ 105 Bạch Mai, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần T Tr, sinh năm 1938;

2. Anh Nguyễn L H, sinh năm 1998;
3. Ông Nguyễn Lương H, sinh năm 1961;
4. Bà Nguyễn Thị K D, sinh năm 1963;
5. Anh Nguyễn L T, sinh năm 1987;
6. Chị Nguyễn Tú A, sinh năm 1996;
7. Chị Hoàng Y N, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: Số 59C, ngõ 105 Bạch Mai, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Người kháng cáo: Ngân hàng V (Là nguyên đơn) và ông Nguyễn Lương D (Bị đơn).

Tại phiên tòa có mặt: ông Nông Q C, ông Nguyễn Lương D, bà Nguyễn Thị Th H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V (V) là nguyên đơn trình bày:

Hợp đồng cho vay số LN1805040656846 ngày 14/5/2018 ký giữa ông Nguyễn Lương D và bà Nguyễn Thị Th H và V Chi nhánh Thăng Long có nội dung: V cho ông D, bà H vay số tiền 480,000,000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

- Thời hạn vay là 10 năm từ ngày 21/5/2018 đến ngày 21/5/2028;
- Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình;
- Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 14%/năm. Sau đó lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh kỳ tiếp theo vào ngày 01/10/2018 và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh bằng: Lãi suất tiết kiệm thường VNĐ tại các quầy kỳ hạn 24 tháng theo mức tiền gửi cao nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên động 8%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

V đã giải ngân toàn bộ số tiền trên theo khế ước nhận nợ số LN1805040656846 ngày 21/5/2018.

- *Tài sản bảo đảm:* Để đảm bảo cho nghĩa vụ của khoản vay ông Nguyễn Lương D và bà Nguyễn Thị Th H thế chấp cho V toàn bộ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 6(1f), tờ bản đồ số: 6H-IV-18, địa chỉ: Số 59C, ngõ 105 phố Bạch Mai, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số 065037, sổ vào sổ cấp CH01605 do UBND quận Hai Bà

Trung, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/02/2018 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số công chứng 1418/2018; quyền số 02-2018 ngày 14.05/2018 tại Văn phòng Công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 08/04/2021 ông Nguyễn Lương D và bà Nguyễn Thị Th H đã thanh toán cho V tổng số tiền là: 87.441.896 đồng (trong đó trả nợ gốc là: 36.000.373 đồng, nợ lãi là: 51.441.523 đồng). Sau đó ông D, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ không thanh toán nợ gốc và lãi cho V nên toàn bộ dư nợ còn lại của khoản nợ trong Hợp đồng tín dụng nêu trên đã bị chuyển thành nợ quá hạn.

V khởi kiện yêu cầu tòa án xem xét giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Lương D và bà Nguyễn Thị Th H phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 26/05/2021 là:

Nợ gốc: 443.999.627 đồng

Nợ lãi: 230.303.628 đồng

Lãi chậm trả: 62.358.462 đồng

Tổng cộng: 736.661.717 đồng

Ông D, bà H phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của khoản vay theo thỏa thuận ghi trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông D và bà H thực tế thanh toán hết nợ cho V.

Trường hợp, ông Nguyễn Lương D và bà Nguyễn Thị Th H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên cho V, V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho V là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số : 6 (1f), tờ bản đồ số: 6H-IV-18 , địa chỉ: 59C, ngõ 105 phố Bạch Mai, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: số CM065037, Sổ vào sổ cấp GCN: CH01605 do UBND quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội cấp ngày 09/02/2018. Ông Nguyễn Lương D và bà Nguyễn Thị Th H vẫn phải tiếp tục trả nợ trong trường hợp kê biên, phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả hết khoản nợ,

Bị đơn ông Nguyễn Lương D và bà Nguyễn Thị Th H thống nhất trình bày:

Ông bà xác nhận có ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp với V như đại diện theo ủy quyền của V trình bày tại Tòa án. Về nguồn gốc tài sản thế chấp: nhà đất là của bố mẹ ông D cho vợ chồng vào năm 2017. Năm 2018 ông bà được UBND quận Hai Bà Trưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất với diện tích 29,3m²; Hình thức sử dụng riêng là 16m²; sử dụng chung 13,3m². Khi bố mẹ ông D cho thì hiện trạng nhà xây bê tông cốt thép 2 tầng, xây dựng 16m² , sân sử dụng chung với anh trai của ông D là 13,3m². Nhà do

bố mẹ ông D xây. Năm 2018 ông D, bà H đã thế chấp tài sản trên cho ngân hàng V. Hiện trạng nhà đất vẫn là nhà 2 tầng 01 tum cốt thép bê tông như của bố mẹ tôi cho. Kể từ ngày thế chấp thì nhà đất vẫn không có gì thay đổi. Bố mẹ ông D đã cho hai anh em trai diện tích đất và nhà riêng biệt theo hộ khẩu cũ là 59C ngõ 105 Bạch Mai, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Nhưng khi mở đường Võ Thị Sáu thì phần diện tích vợ chồng ông D, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có địa chỉ số 3 ngách 40/64 ngõ 40 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Vợ chồng ông bà đã được cấp sổ đỏ riêng biệt. Phần diện tích của anh Nguyễn Lương H có địa chỉ mới số 3 ngách 40/64 ngõ 40 Võ Thị Sáu, Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội, không liên quan đến diện tích của vợ chồng ông D, bà H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông bà có quan điểm như sau: sau khi ký hợp đồng với Ngân hàng vợ chồng ông bà đã trả đầy đủ cả gốc và lãi theo hạn, đến năm 2020 do vợ chồng bị tai nạn, bố ông D bị bệnh chết và do dịch bệnh nên vợ chồng ông bà chưa trả nợ cho Ngân hàng đúng hạn. Ông bà vẫn có thiện chí trả nợ đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện giãn nợ cho ông bà 1 năm, để ông bà lo công việc làm ăn để tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án ông D, bà H thay đổi lời khai phần diện tích đất thế chấp được bố mẹ ông D cho đất. Còn vợ chồng ông D, bà H đã xây dựng nhà 02 tầng 01 tum trên phần diện tích 16m², toàn bộ tiền xây dựng là của vợ chồng ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần T Tr trình bày :

Nhà đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số: 6H-IV-18 , địa chỉ: 59C, Ngõ 105 phố Bạch Mai, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội có diện tích 46,6m² là của vợ chồng bà là Trần T Tr và ông Nguyễn Lương Nhật sử dụng làm đất ở ổn định từ trước năm 1993. Vợ chồng bà có 3 người con Nguyễn Lương D, Nguyễn Lương H và Nguyễn Thu Hương. Năm 2003, vợ chồng bà thống nhất cho Nguyễn Lương D sử dụng riêng 16m², Nguyễn Lương H sử dụng riêng 17m² và 13,3m² là phần diện tích sử dụng chung của anh Hùng và anh Dũng. Việc vợ chồng anh Nguyễn Lương D xây nhà kiên cố 2 tầng, 1 tum trên phần diện tích sử dụng riêng là tiền của vợ chồng anh Dũng. Cho đến nay gia đình anh Dũng và anh Hùng vẫn sử dụng chung 13,3m². Phần diện tích xây dựng của nhà anh Dũng trên phần diện tích riêng hoàn toàn riêng biệt với phần diện tích của nhà anh Hùng. Phần đất chia cho gia đình anh Dũng đã được cấp sổ đỏ năm 2018. Nay bà được biết việc vay nợ của anh Dũng, chị Hoài tại Ngân hàng, việc trả nợ là trách nhiệm của anh Dũng, chị Hoài, bà và gia đình anh Nguyễn Lương H không có liên quan gì,

Do đó, bà và gia đình anh Nguyễn Lương H xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử. Hiện bà đang ở với gia đình ông Nguyễn Lương H. Do

vợ chồng anh Nguyễn Lương H đi sớm về muộn nên bà nhận văn bản của Tòa án và có trách nhiệm giao cho vợ chồng anh Nguyễn Lương H.

Bà và gia đình anh Nguyễn Lương H không có yêu cầu nào khác.

Anh Nguyễn L H trình bày:

Việc vay nợ của bố mẹ anh tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và thế chấp nhà đất tại địa chỉ thửa đất số 6(1f), tờ bản đồ số 6H-IV-18 tại số 59C ngõ 105 Bạch Mai, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội là việc của bố mẹ anh và Ngân hàng. Anh không có đóng góp gì đối với tài sản thế chấp vì thời điểm đó anh còn nhỏ. Vợ anh chị Hoàng Y N mới sinh con nhỏ nên anh cũng xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử. Ngoài ra, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Ông Nguyễn Lương H; Bà Nguyễn Thị K D; Anh Nguyễn L T; Chị Nguyễn Tú A; Chị Hoàng Y N không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội đã xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với ông Nguyễn Lương D và bà Nguyễn Thị Th H. Buộc ông D, bà H phải trả cho Ngân hàng V số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng hợp đồng cho vay số LN1805040656846 ngày 14/5/2018 và khế ước nhận nợ lần 01 số LN1805040656846 ngày 21/5/2018 tính đến ngày xét xử gồm: Nợ gốc: 443.999.627 đồng; Nợ lãi trong hạn: 11.407.956 đồng; Nợ lãi quá hạn: 262.702.943 đồng; Lãi chậm trả: 3.078.585 đồng. Tổng cộng: 721.189.111 đồng (*Bảy trăm hai mươi một triệu một trăm tám mươi chín nghìn một trăm mười một đồng*). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong trường hợp ông D, bà H không trả được khoản nợ nêu trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà trên thửa đất số 6(1f), tờ bản đồ số 6H-IV-18, tại số 59C, ngõ 105, Bạch Mai, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số CM065037, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH- 016505 do UBND quận Hai Bà Trưng, Hà Nội cấp ngày 09/2/2018 cho ông Nguyễn Lương D, bà Nguyễn Thị Th H và theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 1418/2018/HĐTC, quyền số 02 - 2018 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/5/2018 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/5/2018 tại văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi

nhánh Hai Bà Trưng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, ngày 10/12/2021 nguyên đơn là V nộp đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện tính lãi chậm trả đối với khoản vay. Ngày 06/12/2021 ông Nguyễn Lương D (Bị đơn) nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử khách quan để tránh gây thiệt hại cho gia đình ông.

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và đề nghị HĐXX sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả đối với khoản vay của ông D, bà H.

- Bị đơn ông Nguyễn Lương D, bà Nguyễn Thị Th H trình bày: ông bà không đồng ý trả nợ gốc lãi cho Ngân hàng vì nhiều lần ông bà yêu cầu Ngân hàng cho tắt toán khoản vay, nhưng không được Ngân hàng chấp nhận, nay ông bà không có khả năng trả lãi vì lãi suất của V là quá cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án và đánh giá chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của V về việc buộc ông D, bà H thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V đối với phần lãi chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 29/11/2021 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm và tuyên án. Ngày 10/12/2021 nguyên đơn nộp đơn kháng cáo, ngày 04/12/2021 bị đơn ông Nguyễn Lương D nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn nộp đơn

kháng cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự và đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo nên yêu cầu kháng cáo là hợp lệ, vụ án được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất xác định ngày 14/5/2018 giữa ông Nguyễn Lương D, bà Nguyễn Thị Th H và V Chi nhánh Thăng Long cùng ký kết Hợp đồng cho vay số LN1805040656846 có nội dung: V cho ông D, bà H vay số tiền 480,000,000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

Thời hạn, mục đích vay và lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. V đã giải ngân toàn bộ số tiền trên theo khế ước nhận nợ số LN1805040656846 ngày 21/5/2018.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ của khoản vay ông Nguyễn Lương D và bà Nguyễn Thị Th H đã thế chấp cho V toàn bộ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 6(1f), tờ bản đồ số : 6H-IV-18, địa chỉ: Số 59C, ngõ 105 phố Bạch Mai, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số 065037, số vào sổ cấp CH01605 do UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/02/2018 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số công chứng 1418/2018; quyền số 02-2018 ngày 14.05/2018 tại Văn phòng Công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội.

Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ ngày ký kết. Tài sản đảm bảo đã được công nhận quyền sở hữu hợp pháp cho bên thế chấp, sau khi thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên việc thế chấp là hoàn toàn hợp pháp.

Ông D, bà H cũng xác nhận quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 08/04/2021 ông bà đã thanh toán cho V tổng số tiền là: 87.441.896 đồng (trong đó trả nợ gốc là: 36.000.373 đồng, nợ lãi là: 51.441.523 đồng). Sau đó do hoàn cảnh khó khăn nên ông bà không trả được nợ cho Ngân hàng.

Do ông D, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V khởi kiện ông D, bà H để thu hồi nợ trước hạn là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và đúng quy định của luật các tổ chức tín dụng.

Xét thấy, tại bảng kê tính lãi đối với khoản vay của ông Nguyễn Lương D do V cung cấp, việc xác định nợ gốc còn lại, cách tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của V phù hợp với lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ và phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm tính lãi suất. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông D, bà H phải trả cho nguyên

đơn số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Buộc ông D, bà H phải thanh toán cho V:

- Nợ gốc: 443.999.627 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 11.407.956 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 262.702.943 đồng.

Ông D kháng cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm xét xử thiếu khách quan, thiếu minh bạch, xử một chiều theo phía Ngân hàng để ép gây thiệt hại cho gia đình ông là không có căn cứ. Tại phiên tòa ông không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng vì nhiều lần ông, bà yêu cầu được tất toán khoản vay nhưng V không đồng ý tuy nhiên ông D, bà H không cung cấp được tài liệu nào chứng minh việc V không cho ông D, bà H tất toán khoản vay.

Xét kháng cáo của V về việc buộc ông D, bà H phải thanh toán tiền lãi chậm trả đối với khoản vay theo quy định của pháp luật:

Theo thỏa thuận tại điểm b, khoản 3, Điều 2 của Hợp đồng cho vay ngày 14/5/2018 giữa ông D, bà H và V: “Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”

Căn cứ quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HDTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn.

3. Thời gian chậm trả tiền nợ gốc bắt đầu kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

4. Thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Căn cứ vào quy định trên, lãi suất chậm trả lãi được V tính công thức $(10\% \times \text{số ngày tính lãi} \times \text{lãi lũy kế}) : 365$ là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của Nghị quyết số 01. Cấp sơ thẩm xác định lãi chậm trả trên số nợ lãi trong hạn đối với khoản vay của ông D, bà H là chưa phù hợp, kháng cáo của V là có căn

cứ nên được HĐXX chấp nhận, buộc ông D, bà H phải thanh toán cho V lãi chậm trả là 40.538.990 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản, như đã nhận định trên hợp đồng ký kết giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp và bên nhận thế chấp kể từ ngày ký kết. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo liên quan đến hợp đồng thế chấp, do đó Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp ông D, bà H không thanh toán khoản nợ gốc, lãi nêu trên hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý nhà và đất trên thửa đất số 06(1f) tờ bản đồ số 6H-IV-18 tại số 59C ngõ 105 Bạch Mai, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (nay là số 3 ngách 40/64 Võ Thị Sáu) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số số CM065037, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH- 016505 do UBND quận Hai Bà Trưng, Hà Nội cấp ngày 09/2/2018 cho ông Nguyễn Lương D và bà Nguyễn Thị Th H.

Đối với ý kiến kháng cáo của ông D về việc khi tuyên án chỉ có mặt ông và đại diện Ngân hàng, không có đại diện VKS tham gia. Theo quy định tại khoản 1, điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “Kiểm sát viên được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phân công có nhiệm vụ tham gia phiên tòa; nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, không hoãn phiên tòa”. Trong vụ án này, tại phiên tòa ngày 26/11/2021, Kiểm sát viên được phân công có tham gia phiên tòa và đã phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đến ngày 29/11/2021 Kiểm sát viên vắng mặt tại phiên tòa khi tuyên án và có văn bản giải trình về việc không thể tham gia phiên tòa vì lý do khách quan. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án vắng mặt kiểm sát viên là đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng, không làm thay đổi bản chất vụ án và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Từ những phân tích, đánh giá trên, HĐXX phúc thẩm sửa lại bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc tính lãi phạt chậm trả và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Do sửa lại bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ý kiến phân tích, đánh giá chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của V và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Lương D. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị định số [83/2010/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;
- Quyết định 1627/2010/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 28/2002/QĐ-NHNN ngày 11/01/2002; Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005; Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005;
- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTM ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với ông Nguyễn Lương D và bà Nguyễn Thị Th H. Buộc ông D, bà H phải trả cho V số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay số LN1805040656846 ngày 14/5/2018 và khế ước nhận nợ lần 01 số LN1805040656846 ngày 21/5/2018 tính đến ngày 26/11/2021 là 758.649.516 đồng trong đó:

- Nợ gốc: 443.999.627 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 11.407.956 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 262.702.943 đồng;
- Lãi chậm trả: 40.538.990 đồng.

2. Kể từ ngày 27/11/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông D, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp ông D, bà H không trả, hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và lãi nêu trên, V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà trên thửa đất số 6(1f), tờ bản đồ số 6H-IV-18, tại số 59C, ngõ 105, Bạch Mai, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số CM065037, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH- 016505 do UBND quận Hai Bà Trưng, Hà Nội cấp ngày 09/2/2018 cho ông Nguyễn Lương D, bà Nguyễn Thị Th H và theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 1418/2018/HĐTC, quyền số 02 - 2018 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/5/2018 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/5/2018 tại văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh Hai Bà Trưng.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Lương D và bà Nguyễn Thị Th H phải chịu 34.345.980 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012102 ngày 28/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, ông D phải nộp tiếp số tiền là 34.045.980 đồng.

- V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Hoàn trả V 14.700.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0011503 ngày 01/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012098 ngày 24/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 16/8/2022.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Hai Bà Trưng;
- CCTHADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mạnh Cẩm Yên